

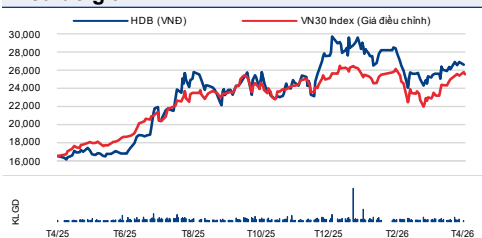
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ33,000
Tiềm năng tăng/giảm: 24.1%

Giá cổ phiếu (đồng) (29/4/2026)	26,600
Mã Bloomberg	HDB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	16,155-29,700
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	26,600
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	133,140
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	5,052
Slg CP lưu hành (tr.đv)	5,005
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	1,351
Slg CP NN được mua (tr.đv)	208
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	27.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	22.8%
Tỷ lệ freefloat	71.4%
Cổ đông lớn	Sovico (9.99%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
Tổng tài sản (ntđ)	931	1,137	1,431
Dư nợ cho vay (ntđ)	570	758	996
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	42.7	53.2	66.9
Lợi nhuận thuần (ntđ)	16.5	21.2	26.9
BVPS (đồng)	15,094	18,731	23,641
EPS (đồng)	3,574	4,229	5,378
DPS (đồng)	0	500	500
T.trưởng cho vay KH (%)	28.8	33.0	31.4
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	25.4	24.7	25.7
Tăng trưởng EPS (%)	26.1	18.3	27.2
Tăng trưởng DPS (%)	(100)	nm	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	11.8	9.30
ROAE (%)	25.4	25.0	25.4
ROAA (%)	2.03	2.05	2.10
Tỷ lệ NIM (%)	4.88	4.81	4.80
Tỷ lệ CIR (%)	27.2	26.7	26.6
Hệ số CAR (%)	16.7	16.4	15.3
Tỷ lệ nợ xấu (%)	2.34	2.30	2.20
LLR/nợ xấu (%)	54.8	49.3	50.3
Hệ số LDR (%)	102	106	104
P/B (lần)	1.76	1.42	1.13
P/E (lần)	7.44	6.29	4.95
Lợi suất cổ tức (%)	0	1.88	1.88

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

HDB là một ngân hàng có sự cân bằng giữa rủi ro và lợi nhuận và giữa ngân hàng truyền thống và cho vay tiêu dùng

Chuyên viên phân tích

Phạm Liên Hà, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Dịch Vụ Tài
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

Nguyễn Bảo Ngọc

Chuyên Viên, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ngoc.nguyenbao@hsc.com.vn
+84 3 4605 3471 Ext. 4883

Q1/2026: LNTT tăng 14%, tích cực nhưng thấp hơn dự báo

- HDB ghi nhận LNTT Q1/2026 đạt 6,1 nghìn tỷ đồng, tăng 14%, hoàn thành 22% dự báo cả năm của chúng tôi. Lợi nhuận thuần chỉ thấp hơn một chút so với dự báo nhưng cả tổng thu nhập hoạt động và chi phí đều thấp hơn đáng kể so với kỳ vọng.
- Tín dụng tiếp tục tăng mạnh 8% kể từ đầu năm và tăng 40% so với cùng kỳ, nhưng tỷ lệ NIM giảm mạnh 119 điểm cơ bản so với quý trước và giảm 85 điểm cơ bản so với cùng kỳ. Thu nhập ngoài lãi giảm sút do lãi HĐKD nguồn vốn và thu nhập từ thu hồi nợ xấu thấp hơn. Tỷ lệ nợ xấu tăng nhẹ lên 2,6%.
- P/B dự phóng năm 2026 của HDB là 1,44 lần, cao hơn so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,31 lần. Tuy nhiên nhờ hệ số ROE dự phóng và triển vọng tăng trưởng lợi nhuận vượt trội, chúng tôi tin rằng định giá thặng dư của Ngân hàng là phù hợp và duy trì khuyến nghị Mua vào & giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD Q1/2026

LNTT Q1/2026 của HDB đạt 6,1 nghìn tỷ đồng, tăng 14% so với cùng kỳ và giảm 6% so với quý trước, thấp hơn một chút so với dự báo của chúng tôi. Mặc dù tín dụng tăng trưởng mạnh 8% kể từ đầu năm và 40% so với cùng kỳ, tỷ lệ NIM thu hẹp đáng kể khiến thu nhập lãi thuần chỉ tăng trưởng khiêm tốn 15% so với cùng kỳ. Thu nhập ngoài lãi cũng thu hẹp do lãi HĐKD nguồn vốn & thu nhập từ thu hồi nợ xấu sụt giảm. Trong khi đó, cả chi phí hoạt động và chi phí dự phòng đều được kiểm soát chặt chẽ đã giúp bù đắp một phần cho sự sụt giảm của tổng thu nhập hoạt động.

LNTT Q1/2026 hoàn thành 22,4% dự báo cả năm và thấp hơn một chút so với dự báo Q1 của chúng tôi. HSC kỳ vọng NIM sẽ phục hồi và Ngân hàng sẽ tiếp tục đẩy mạnh trích lập dự phòng trong những quý tiếp theo.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 4/5.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Tóm tắt KQKD Q1/2026, HDB hợp nhất

Tổng thu nhập hoạt động kém tích cực được bù đắp nhờ kiểm soát chi phí

(Tỷ đồng)	Q1/25	Q1/26	So với cùng kỳ	% HSCF
Thu nhập lãi thuần	7,408	8,483	15%	19%
Thu nhập ngoài lãi	1,796	1,470	-18%	16%
Lãi thuần HĐ dịch vụ	733	847	16%	16%
Lãi thuần HĐKD ngoại hối	188	322	71%	21%
Thu nhập từ đầu tư	373	43	-89%	4%
Thu nhập khác	479	169	-65%	19%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	24	89	279%	24%
Tổng thu nhập HĐ	9,205	9,953	8%	19%
Chi phí HĐ	(2,525)	(2,587)	2%	18%
Lợi nhuận HĐ trước trích lập dự phòng	6,680	7,366	10%	19%
Chi phí dự phòng	(1,325)	(1,258)	-5%	11%
LNTT	5,355	6,107	14%	22%
Lợi nhuận thuần	4,358	4,902	12%	23%
Tỷ lệ NIM	4.74%	3.88%	-85 điểm cơ bản	
Tăng trưởng tín dụng	1.2%	8.0%	682 điểm cơ bản	
Tỷ lệ nợ xấu	2.37%	2.60%	23 điểm cơ bản	

Nguồn: HDB, HSC

Tín dụng tăng trưởng 8% kể từ đầu năm, huy động tăng trưởng 11,9% kể từ đầu năm

Đà tăng trưởng tín dụng vẫn duy trì mạnh, tăng 8% kể từ đầu năm và 40% so với cùng kỳ, đạt 635 nghìn tỷ đồng trong Q1/2026. Chúng tôi cũng lưu ý rằng các khoản vay bán cho Vikki đạt 6,8 nghìn tỷ đồng trong Q1/2026 và lũy kế đạt 92,4 nghìn tỷ đồng kể từ Q2/2025. Cơ cấu tín dụng theo phân khúc, khách hàng doanh nghiệp (tăng 10,9% kể từ đầu năm) là động lực tăng trưởng chính, trong khi cho vay bán lẻ tăng chậm hơn ở mức 5,3%. Cơ cấu theo ngành, những động lực tăng trưởng chính bao gồm: ngành BĐS tăng 11,4%; bán buôn & bán lẻ tăng 13,5%; logistics & kho bãi tăng 22,5%; dịch vụ tài chính tăng 13%; và tiện ích tăng 40%.

Về phía nguồn vốn, tiền gửi khách hàng tăng 10,8% kể từ đầu năm và giấy tờ có giá tăng 18,9%, tương đương huy động tăng trưởng 11,9%. Từ đó, hệ số LDR thuần và LDR điều chỉnh của HDB giảm xuống lần lượt 96,7% và 87,5%, thấp hơn đáng kể so với bình quân ngành, cho thấy HDB có vị thế thanh khoản tốt hơn tương đối.

Tỷ lệ NIM thu hẹp đáng kể

Tỷ lệ NIM giảm 85 điểm cơ bản so với cùng kỳ và giảm 119 điểm cơ bản so với quý trước xuống 3,88% do lợi suất tài sản giảm trong khi chi phí vốn tăng. Cụ thể lợi suất tài sản giảm 46 điểm cơ bản so với cùng kỳ và giảm 69 điểm cơ bản so với quý trước và chi phí huy động tăng 51 điểm cơ bản so với cùng kỳ và tăng 56 điểm cơ bản so với quý trước. Mức giảm NIM theo quý của HDB là mức giảm lớn nhất trong số các NHTM trong phạm vi phân tích của chúng tôi. Trong khi chi phí huy động tăng lên là điều đã nằm trong dự báo, chúng tôi có phần bất ngờ về mức độ sụt giảm đáng kể của lợi suất tài sản do HDB thường ghi nhận lợi suất tăng trong các quý có tăng trưởng tín dụng mạnh.

Tham chiếu diễn biến NIM theo quý trong năm 2025, chúng tôi cũng lưu ý rằng NIM của HDB có thể biến động mạnh giữa các quý và nhìn chung có mức biến động cao hơn so với ngành. Chúng tôi kỳ vọng tỷ lệ NIM sẽ phục hồi trong những quý tiếp theo nhờ điều kiện thanh khoản tốt của HDB và việc tài sản sinh lãi được định giá lại ở mức lãi suất cao hơn.

Do tín dụng tăng trưởng mạnh nhưng NIM lại thu hẹp đáng kể, thu nhập lãi thuần chỉ tăng 15% so với cùng kỳ, hoàn thành 19% dự báo cả năm và thấp hơn so với dự báo Q1 của chúng tôi.

Thu nhập ngoài lãi diễn biến trái chiều

Thu nhập ngoài lãi giảm 18% so với cùng kỳ do thu nhập từ HĐKD nguồn vốn và thu nhập từ thu hồi nợ xấu sụt giảm. Trong khi đó, lãi thuần HĐ dịch vụ và lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối vẫn ổn định, tăng lần lượt 16% và 71% so với cùng kỳ.

Nợ xấu tăng nhẹ nhưng trích lập dự phòng thấp hơn

Chất lượng tài sản suy giảm nhẹ với tỷ lệ nợ xấu tăng lên 2,6% từ 2,44% tại thời điểm cuối năm 2025. Trong khi đó, tỷ lệ nợ nhóm 2 tiếp tục xu hướng giảm xuống 2,58% từ 3,44% tại thời điểm cuối năm 2025 và 4,6% tại thời điểm cuối Q3/2025.

Chi phí dự phòng Q1/2026 giảm 5% so với cùng kỳ xuống 1.256 tỷ đồng, chỉ tương đương 11% dự báo cả năm của chúng tôi. Tăng trưởng thu nhập hoạt động thấp hơn có thể là nguyên nhân khiến chi phí dự phòng thấp hơn kỳ vọng.

Từ đó, tỷ lệ bao phủ nợ xấu LLR giảm xuống 50% từ 54,8% tại thời điểm cuối năm 2025.

HDSaison: LNTT tăng 10,9%, HĐKD ổn định

Đối với HDSaison, công ty con tài chính tiêu dùng của HDB, chúng tôi ước tính LNTT Q1/2026 đạt 339 tỷ đồng, tăng 10,9% so với cùng kỳ. Các chỉ số hoạt động chính bao gồm: Tín dụng giảm 2,8% kể từ đầu năm nhưng tăng 16,8%

so với cùng kỳ, tỷ lệ NIM đạt 29,1% so với 30,7% trong Q1/2025 và 29,9% trong Q4/2025 và tỷ lệ nợ xấu ở mức 7,2%, so với 7,4% trong Q1/2025 và 6,9% trong Q4/2025. Nhìn chung, kết quả hoạt động của HDSaison tương đối ổn định, mặc dù đóng góp vào kết quả hợp nhất đã thu hẹp trong những năm gần đây do tăng trưởng mạnh mẽ của Ngân hàng mẹ (HDSaison đóng góp 5,55% LNTT và 3,4% tổng dư nợ tín dụng Q1/2026).

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu

Nhìn chung, HSC dự báo tỷ lệ NIM sẽ hồi phục và Ngân hàng sẽ đẩy mạnh trích lập dự phòng trong những quý tới. Chúng tôi vẫn kỳ vọng HDB sẽ hoàn thành dự báo LNTT cả năm của chúng tôi đạt 27,3 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 28%.

Sau khi giá cổ phiếu tăng 5,6% trong 1 tháng qua nhưng vẫn giảm 10,4% kể từ đầu năm, HDB đang giao dịch với P/B dự phóng năm 2026 là 1,44 lần, cao hơn so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,31 lần và P/E dự phóng năm 2026 là 6,7 lần, thấp hơn so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 8,2 lần. Nhờ khả năng sinh lời vượt trội, với hệ số ROE dự phóng năm 2026 đạt 23,8% so với bình quân ngành ở mức 17,2%, và triển vọng tăng trưởng lợi nhuận tốt hơn (28% so với 17,9%), HSC tin rằng thặng dư định giá là phù hợp và duy trì khuyến nghị Mua vào & giá mục tiêu.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Thu nhập lãi	58.0	68.0	94.5	116	140
Chi phí lãi	(27.1)	(33.2)	(50.3)	(59.7)	(71.1)
Thu nhập lãi thuần	30.9	34.7	44.3	56.2	68.5
Lãi thuần HĐ dịch vụ	1.42	4.13	5.17	6.43	7.42
Lãi thuần HĐ KDNH	0.84	1.27	1.54	1.87	2.26
Lãi/lỗ từ mua bán CK	0.14	1.50	1.00	1.00	1.00
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0.07	0.31	0.37	0.45	0.54
Thu nhập khác	0.71	0.74	0.90	0.98	1.11
Tổng thu nhập HĐ	34.0	42.7	53.2	66.9	80.8
Chi phí HĐ	(12.0)	(11.6)	(14.2)	(17.8)	(21.5)
LN trước dự phòng	22.1	31.1	39.0	49.1	59.3
Chi phí dự phòng	(5.32)	(9.75)	(11.7)	(14.5)	(16.7)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	16.7	21.3	27.3	34.6	42.7
Chi phí thuế TNDN	(3.48)	(4.27)	(5.46)	(6.92)	(8.53)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(0.48)	(0.55)	(0.68)	(0.77)	(0.91)
Lợi nhuận thuần	12.8	16.5	21.2	26.9	33.2
EPS (đồng)	2,835	3,574	4,229	5,378	6,635
DPS (đồng)	1,000	0	500	500	500
Slg CP bình quân (triệu đv)	4,502	4,618	5,005	5,005	5,005
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	4,509	5,005	5,005	5,005	5,005
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	5,123	5,306	5,306	5,005	5,005

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	3.11	4.13	7.18	9.55	11.5
Tiền gửi tại NHNN	26.7	59.9	36.1	47.9	57.5
Tiền gửi tại các TCTD khác	102	184	198	208	218
Chứng khoán kinh doanh	22.0	0.49	0.54	0.59	0.65
Các công cụ tài chính phái sinh	0	0	0.26	0.29	0.32
Số dư cho vay thuần	437	563	749	985	1,178
Tổng dư nợ cho vay	442	570	758	996	1,190
Dự phòng rủi ro	(5.88)	(7.30)	(8.59)	(11.0)	(12.8)
Chứng khoán đầu tư	48.8	76.8	99.1	128	165
CK đầu tư sẵn sàng để bán	31.4	72.9	94.8	123	160
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	17.4	4.04	4.44	4.89	5.38
Dự phòng rủi ro	(0.09)	(0.13)	(0.15)	(0.16)	(0.18)
Đầu tư dài hạn	0.86	1.15	1.15	1.15	1.15
Tài sản cố định	1.77	1.86	1.98	2.08	2.19
Tài sản khác	56.0	39.7	43.8	48.1	52.8
Tổng tài sản	697	931	1,137	1,431	1,687
Nợ phải trả	641	853	1,040	1,308	1,533
Tiền gửi của NHNN	0.02	11.4	9.14	9.60	9.60
Tiền gửi của các TCTD khác	99.5	169	192	210	231
Tổng tiền gửi KH	438	561	718	955	1,145
Trái phiếu và CCTG	81.3	87.4	96.1	106	117
Nợ khác	22.4	21.3	25.4	28.2	29.2
Vốn chủ sở hữu	54.5	75.5	93.8	118	149
Vốn điều lệ	35.1	50.1	50.1	50.1	50.1
Thặng dư vốn cổ phần	0.54	1.27	1.27	1.27	1.27
Lợi nhuận giữ lại	13.0	17.1	32.1	52.7	78.6
Quỹ & vốn khác của CSH	6.31	7.08	10.3	14.4	19.3
Lợi ích cổ đông thiểu số	2.17	2.72	3.39	4.17	5.08
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	697	931	1,137	1,431	1,687
BVPS (đồng)	12,086	15,094	18,731	23,641	29,815

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	15.8	33.5	22.2	25.8	17.9
Tăng trưởng cho vay KH (%)	28.9	28.8	33.0	31.4	19.5
Tăng trưởng huy động KH (%)	18.0	28.2	28.0	33.0	20.0
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	23.0	24.9	25.6	30.3	19.0
Tăng trưởng VCSH (%)	22.5	38.6	24.1	26.2	26.1
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	39.1	12.6	27.4	27.0	21.8
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	31.2	(3.06)	22.4	25.4	20.5
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	27.6	40.9	25.6	25.9	20.8
Tăng trưởng LNTT (%)	28.5	27.4	28.1	26.8	23.2
Tăng trưởng LN thuần (%)	26.7	29.3	28.3	27.2	23.4

Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	5.24	5.24	5.15	5.21	5.18
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.84)	(1.43)	(1.37)	(1.39)	(1.38)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	85.9	87.4	89.0	91.2	91.7
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	1.84	2.19	2.61	3.12	3.59
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	34.6	43.5	55.1	69.2	84.3

Chỉ số định giá					
P/E (lần)	9.38	7.44	6.29	4.95	4.01
P/B (lần)	2.20	1.76	1.42	1.13	0.89
Lợi suất cổ tức (%)	3.76	0	1.88	1.88	1.88

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	37.5	38.7	39.8	40.2	41.1
ROAA (%)	1.96	2.03	2.05	2.10	2.13
ROAE (%)	25.8	25.4	25.0	25.4	24.8
Chi phí huy động BQ (%)	4.71	4.59	5.45	5.20	5.11
Lợi suất góp BQ (%)	10.4	9.56	10.3	9.90	9.76
Lợi suất thuần (%)	5.67	4.96	4.82	4.70	4.65
Tỷ lệ NIM (%)	5.52	4.88	4.81	4.80	4.79
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	4.16	9.67	9.71	9.60	9.18
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	90.7	81.4	83.1	84.0	84.7
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	5.17	8.94	7.17	6.42	6.07
Tỷ lệ CIR (%)	35.2	27.2	26.7	26.6	26.6
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	35.3	0	11.8	9.30	7.54

Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	14.0	16.7	16.4	15.3	14.5
VCSH/Tổng TS (%)	7.81	8.11	8.24	8.27	8.85
Đòn bẩy vốn (lần)	12.8	12.3	12.1	12.1	11.3

Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.93	2.34	2.30	2.20	2.12
Hệ số LLR (%)	68.7	54.8	49.3	50.3	50.7

Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	101	102	106	104	104
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	16.1	20.7	19.1	16.5	15.5
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	63.5	61.2	66.6	69.6	70.6

Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	369	379	384	389	394
Số lượng nhân viên	18,533	19,460	20,433	21,454	22,527

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn